

**VIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC
DỰ ÁN VIE6566/018-2**

**"NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
TRONG PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VÀ THAM GIA CHƯƠNG
TRÌNH KHÍ HẬU QUỐC GIA"**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIẢNG VIÊN
(TOT)**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHỨNG CHỈ RỪNG VIỆT NAM (VFCS)
VÀ QUỐC TẾ (FSC VÀ PEFC)**

Hà Nội, năm 2020

Mục lục

Mở đầu	3
Mục lục	1
Danh mục các từ viết tắt.....	4
1. Mục tiêu	5
2. Đối tượng	5
3. Thuật ngữ chuyên môn	5
4. Các hệ thống Chứng chỉ rừng đang hoạt động tại Việt Nam	6
4.1. Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia VFCS.....	7
4.1.1. Giới thiệu.....	7
4.1.2. Tiến trình Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia	7
4.1.3. Mô tả hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia	7
4.1.4. Các loại chứng chỉ - VFCS	9
4.1.5. Các tài liệu của hệ thống.....	10
4.2. Hệ thống chứng chỉ FSC	12
4.2.1. Giới thiệu.....	13
4.2.2. Tiến trình Hệ thống chứng chỉ FSC tại Việt Nam	13
4.2.3. Cách vận hành của Hệ thống chứng chỉ FSC.....	13
4.2.4. Các loại chứng chỉ FSC.....	14
4.2.5. Các tài liệu liên quan.....	15
4.3. Hệ thống Chứng chỉ rừng PEFC.....	17
4.3.1. Giới thiệu.....	17
4.3.2. Tiến trình Hệ thống chứng chỉ PEFC tại Việt Nam	17
4.3.3. Cách vận hành Hệ thống chứng chỉ PEFC	18
4.3.4. Các loại chứng chỉ PEFC.....	18
4.3.5. Các tài liệu liên quan của hệ thống PEFC	18
Phụ lục: Hệ thống phụ lục của Chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS).....	19
Tài liệu tham khảo	69

Hiện nay các sản phẩm gỗ và lâm sản của Việt Nam đã có mặt ở hơn 120 quốc gia trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản liên tục tăng; theo số liệu của Tổng cục Lâm nghiệp, giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản năm 2019 đạt 11,2 tỉ USD, trong đó gỗ và sản phẩm gỗ đạt 10,5 tỉ USD (đạt 107% so với kế hoạch được giao đầu năm 10,5 tỉ USD), tăng 20% so với năm 2018, mức tăng cao nhất từ trước đến nay.

Tuy vậy, ngành chế biến và xuất khẩu lâm sản nước ta cũng đang đứng trước những thách thức lớn, nhiều thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam có những yêu cầu rất cao về kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu và các tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý rừng bền vững, điều đó đòi hỏi các nhà sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam phải đảm bảo sử dụng nguồn nguyên liệu hợp pháp, có chứng chỉ quản lý rừng bền vững thì mới xuất khẩu được sang các thị trường lớn. Nhất là khi Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT-VPA) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu đã chính thức được ký kết vào ngày 19/10/2018. Việt Nam cam kết sẽ áp dụng một hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp và cấp phép chứng nhận tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường EU. Gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam được cấp phép FLEGT sẽ không phải tiến hành trách nhiệm giải trình khai báo nguồn gốc gỗ theo Quy chế gỗ của EU (Quy chế EUTR 995/2010).

Trong khung khổ dự án: “Nâng cao năng lực cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong phát triển lâm nghiệp và tham gia chương trình khí hậu quốc gia” do Tổ chức Phát triển thực phẩm và lâm nghiệp (FFD) Phần Lan hỗ trợ, Viện Phát triển kinh tế hợp tác phối hợp biên soạn tập tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) và Quốc tế (FSC và PEFC) để phục vụ tổ chức các lớp tập huấn giảng viên (TOT) là cán bộ làm nhiệm vụ tư vấn của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam là thành viên của PEFC, do đó VFCS đang sử dụng những tiêu chí tương đồng với PEFC, do đó trong phần phụ lục không giới thiệu chi tiết bộ tiêu chuẩn của PEFC.

Trong quá trình biên soạn có thể có những sai sót, rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của độc giả.

NHÓM BIÊN TẬP

Danh mục các từ viết tắt

Viết tắt	Nội dung diễn giải
BoA	Văn phòng công nhận chất lượng (Bureau of Accreditation)
CBs	Tổ chức chứng nhận (Certification Body)
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm (Chain of Custody)
EU	Liên minh Châu Âu
FM	Quản lý rừng (Forest Management)
FSC	Hội Đồng Quản Lý Rừng (Forest Stewardship Council)
HCV	Giá trị bảo tồn cao (High conservation value)
IAF	Diễn đàn Công nhận Quốc tế (International Accreditation Forum)
ITTO	Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế (The International Tropical Timber Organization)
PEFC	Chương trình chứng thực chứng nhận rừng (The Programme for the Endorsement of Forest Certification)
VFCO	Văn phòng Chứng chỉ rừng Việt Nam (Vietnam Forest Certification Office)
VFCS	Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (Vietnam Forest Certification Scheme)

1. Mục tiêu

Tài liệu này cung cấp những thông tin cơ bản, các quy định và yêu cầu, hướng dẫn về các hệ thống chứng chỉ rừng VFCS, FSC và PEFC tại Việt Nam, và các tài liệu tham khảo nhằm giúp đáp ứng điều kiện để được cấp chứng chỉ rừng.

Tài liệu này chỉ được sử dụng cho mục đích tham khảo và hướng dẫn. Các đánh giá để cấp chứng chỉ đòi hỏi phải tiến hành đánh giá tại hiện trường và phỏng vấn các bên có liên quan đồng thời với việc nghiên cứu các tài liệu, quy định và thủ tục.

2. Đối tượng

Cán bộ tư vấn của Liên Minh hợp tác xã và các đối tượng khác quan tâm tìm hiểu và muốn tham gia vào chương trình chứng chỉ rừng.

3. Thuật ngữ chuyên môn

1. Chứng nhận rừng theo nhóm

Là một văn bản xác nhận Tổ chức nhóm tuân thủ các quy định của Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (VFCS-FM ST 1003:2019) và các quy định khác của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

2. Chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững

Là văn bản công nhận một diện tích rừng nhất định đáp ứng các tiêu chí về quản lý rừng bền vững¹.

3. Chuỗi hành trình sản phẩm có nguồn gốc từ rừng

Là quá trình xử lý các thông tin về loại nguyên liệu trong các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng nhằm cho phép tổ chức có thể đưa ra sự khai báo chính xác và có thể xác minh được về thành phần của nguyên liệu được chứng nhận².

4. Giá trị bảo tồn cao

Là một trong số những giá trị sau³:

- HCV1 - Đa dạng loài. Tập trung đa dạng sinh học bao gồm các loài đặc hữu và loài quý hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa tại các cấp toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia.
- HCV 2 – Các hệ sinh thái cấp sinh cảnh và bức khảm hệ sinh thái. Các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn và bức khảm hệ sinh thái có ý nghĩa ở cấp toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia, và có chứa các quần thể sống của phần lớn các loài tự nhiên trong các mô thức tự nhiên của phân phối và phong phú.
- HCV 3 – Các hệ sinh thái và môi trường sống. Các hệ sinh thái hiếm, bị đe dọa và nguy cấp, các môi trường sống hoặc nơi ẩn náu.

¹ Theo Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14

² Theo Phụ lục 5 Bộ tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm có nguồn gốc từ rừng VFCS/PEFC ST 1005:2019

³ Theo FSC-STD-01-001 V5-0

- HCV 4 – Các dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Các dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong những trường hợp xung yếu, bao gồm bảo vệ lưu vực nước và kiểm soát xói mòn đất và dốc dễ tổn thương.
- HCV 5 – Nhu cầu của cộng đồng. Các điểm và các nguồn tài nguyên cơ bản để đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc (ví dụ cho sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước), xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc những người dân tộc này.
- HCV 6 – Các giá trị văn hóa. Các điểm, các nguồn tài nguyên, môi trường sống và sinh cảnh có ý nghĩa văn hóa, khảo cổ hay lịch sử trên toàn cầu hoặc quốc gia, và/hoặc có tầm quan trọng về văn hóa, sinh thái, kinh tế hay tín ngưỡng/linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của các cộng đồng địa phương hoặc những người dân tộc, được xác định thông qua tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.

5. Quản lý rừng bền vững

Theo định nghĩa của Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO) thì “Quản lý rừng bền vững là quá trình quản lý những lâm phần (khu rừng) ổn định nhằm đạt được một hoặc nhiều mục tiêu quản lý đã được đề ra một cách rõ ràng như đảm bảo sản xuất liên tục những sản phẩm và dịch vụ rừng mà không làm giảm đáng kể những giá trị di truyền và năng suất của rừng trong tương lai và không gây ra những tác động xấu đối với môi trường tự nhiên và xã hội.

Theo Tiến trình Helsinki của EU “Quản lý rừng bền vững là sự quản lý rừng và đất rừng theo cách thức và cường độ phù hợp để duy trì đa dạng sinh học, năng suất, khả năng tái sinh và sức sống của rừng, và duy trì tiềm năng của rừng trong việc thực hiện, hiện tại và trong tương lai, các chức năng sinh thái, kinh tế và xã hội của rừng ở cấp địa phương, quốc gia, và toàn cầu, và không gây ra những tác động xấu đối với các hệ sinh thái khác”.

Luật Lâm nghiệp Việt Nam 2017 định nghĩa “Quản lý rừng bền vững là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh” .

Tóm lại quản lý rừng bền vững là một bộ phận của phát triển bền vững bao gồm ba mục tiêu cơ bản đó là (i) Sự phát triển có hiệu quả về kinh tế; (ii) Không gây tác hại đến môi trường sống (kể cả của người và các loài sinh vật) và (iii) Có đóng góp thiết thực cho giải quyết các vấn đề xã hội cả cho hiện nay và mãi mãi về sau. Phát triển bền vững là một yêu cầu cấp bách hiện nay của toàn thế giới, vì trong quá khứ và hiện tại, sự phát triển không bền vững đã và đang làm suy giảm nghiêm trọng tài nguyên thiên nhiên, hủy hoại môi trường sống. Thách thức tương lai của ngành Lâm nghiệp đó là quản lý rừng để đạt được cả ba mục tiêu nói trên, đặc biệt ở các nước nhiệt đới như Việt Nam.

4. Các hệ thống Chứng chỉ rừng đang hoạt động tại Việt Nam

4.1. Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia VFCS

4.1.1. Giới thiệu

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng thông qua Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ⁴, trong đó có phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFSC).

Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFSC) được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động và ra quyết định độc lập giữa các bên tham gia, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc tế.

4.1.2. Tiến trình Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia

Thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng, ngày 11 tháng 1 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Quyết định thành lập Văn phòng Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCO)⁵.

Ngày 25/02/2019, Tổng cục Lâm nghiệp đã ban hành Quyết định số 49/QĐ-TCLN-VP về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (gọi tắt là Văn phòng chứng chỉ rừng). Ngày 26/4/2019 công bố thành lập Văn phòng Chứng chỉ rừng tại Việt Nam. VFCO chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng và ban hành các tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc gia của VFCS.

Ngày 6/9/2019 Văn phòng chứng chỉ rừng đã phê duyệt và ban hành Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và các phụ lục liên quan đến hệ thống chứng chỉ.

Ngày 17/01/2020 Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đã có quyết định cấp Chứng chỉ công nhận cho Tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ rừng GFA đủ điều kiện hoạt động trong Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS). Theo quyết định này, tổ chức GFA được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và cấp chứng chỉ rừng cho các chủ rừng theo yêu cầu của Hệ thống VFCS. Phạm vi được công nhận bao gồm Chứng nhận hệ thống quản lý rừng bền vững theo Bộ tiêu chuẩn VFCS/PEFC 1003:2019 do Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững ban hành.

4.1.3. Mô tả hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia

Hệ thống VFCS gồm ba cơ quan hoạt động độc lập là Văn phòng chứng chỉ rừng (VFCO); Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) và Tổ chức đánh giá, cấp Chứng chỉ rừng (CBs).

(1). Văn phòng Chứng chỉ rừng (VFCO - Vietnam Forest Certification Office)

⁴ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng và phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia

⁵ Quyết định số 49/QĐ-TCLN-VP về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (gọi tắt là Văn phòng chứng chỉ rừng) do Tổng cục Lâm nghiệp ban hành ngày 25/02/2019

Là cơ quan chủ quản hệ thống, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Tổng cục Lâm nghiệp. Văn phòng Chứng chỉ rừng là cơ quan đầu mối hợp tác với các bên liên quan trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, có nhiệm vụ điều phối các hoạt động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng bao gồm ban hành các tiêu chuẩn, hướng dẫn của hệ thống.

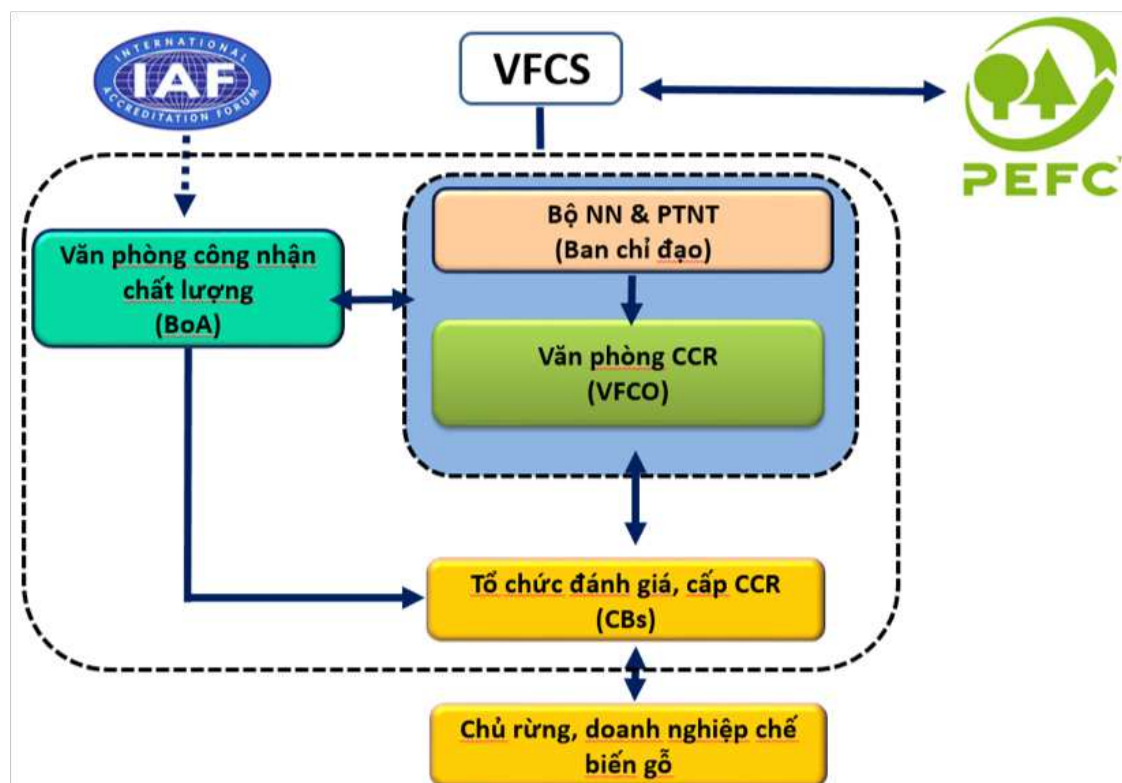
(2). Văn phòng công nhận chất lượng (BoA- Bureau of Accreditation)

Văn phòng Công nhận chất lượng là thành viên của IAF, là đơn vị hợp tác và giúp Văn phòng Chứng chỉ rừng trong việc công nhận và giám sát hoạt động của các Tổ chức chứng nhận theo quy định của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

(3). Tổ chức chứng nhận (CB - Certification Body)

Tổ chức Chứng nhận là tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm cho các chủ rừng và tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản khi các chủ rừng và tổ chức, cá nhân có phương án quản lý rừng; phương án tổ chức sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý rừng của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Ngoài ra liên quan đến hệ thống còn có Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF) và Chương trình Chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC- Programme for the Endorsement of Forest Certification). Mối quan hệ của các cơ quan được mô tả như sơ đồ dưới đây.



Hình 1. Sơ đồ Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS)⁶

Mô tả mối quan hệ giữa các tổ chức trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia

⁶ Nguồn: Văn phòng Chứng chỉ rừng

1) Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) là Cơ quan đảm bảo cho Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) được phép hoạt động trong lĩnh vực công nhận trên lãnh thổ Việt Nam.

2) Mọi quan hệ giữa VFCO với BoA

BoA là tổ chức giúp VFCO trong việc công nhận và giám sát hoạt động của Tổ chức Chứng nhận hoạt động trong hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia. BoA và VFCO sẽ hợp tác thông qua ký kết Hợp đồng.

3) Mọi quan hệ giữa VFCO với CB

CB là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận quản lý rừng bền vững và quản lý chuỗi hành trình sản phẩm cho các chủ rừng theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Để hoạt động được trong hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, VFCO sẽ chỉ định CB thông qua hợp đồng chỉ định.

4) Mọi quan hệ giữa BoA với CB

BoA là tổ chức công nhận CB khi CB đáp ứng được các quy định của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

5) Mọi quan hệ giữa CB với chủ rừng, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản

CB là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận khi có đề nghị của chủ rừng, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

6) Mọi quan hệ giữa VFCS với PEFC

Khi hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia đáp ứng được quy định của PEFC thì VFCS và PEFC sẽ hợp tác thông qua việc PEFC công nhận VFCS là thành viên. Lúc này, gỗ và sản phẩm từ gỗ có chứng chỉ VFCS sẽ được công nhận như là gỗ và sản phẩm gỗ có chứng chỉ của PEFC.

4.1.4. Các loại chứng chỉ - VFCS

VFCS cung cấp hai loại chứng chỉ rừng đó là Quản lý rừng bền vững- FM và Chuỗi hành trình sản phẩm-CoC. Trong mỗi loại gồm có chứng chỉ đơn lẻ và chứng chỉ theo nhóm.

(1). Chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được sử dụng Tiêu chí quản lý rừng bền vững đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Bộ tiêu chí Quản lý rừng bền vững đã được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của quốc tế, được tham vấn rộng rãi của các cơ quan, đơn vị của nhà nước, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức xã hội và được pháp luật hóa tại Thông tư số 28/2018/TT-BNN ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quá trình xây dựng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững cũng luôn bám sát vào những quy định, hướng dẫn của PEFC.

(2). Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm

Chúng chỉ Chuỗi hành trình sản phẩm cung cấp cho tổ chức, doanh nghiệp khai báo VFCS cho các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng, cung cấp các thông tin về xuất xứ của những sản phẩm này được khai thác từ những khu rừng được quản lý bền vững, hoặc từ các nguồn tái chế hoặc các nguồn gốc có kiểm soát. Chúng nhận Chuỗi hành trình sản phẩm VFCS cũng bao gồm các yêu cầu về sức khỏe, an toàn và lao động. “Nguồn gốc có kiểm soát VFCS” giải quyết những rủi ro của việc sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc gây tranh cãi, bao gồm cả những vấn đề pháp lý.

Bộ tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm của Việt Nam thống nhất sử dụng Bộ tiêu chuẩn CoC của PEFC ST 2002:2013.

(3). Chúng chỉ quản lý rừng theo nhóm

Ngoài chúng chỉ quản lý rừng bền vững và chúng chỉ Chuỗi hành trình sản phẩm cấp đơn lẻ cho cá nhân, tổ chức, Hệ thống chúng chỉ rừng Quốc gia còn cấp Chúng chỉ quản lý rừng bền vững và Chúng chỉ Chuỗi hành trình sản phẩm theo nhóm. Chúng chỉ rừng theo nhóm là một trong những cách tiếp cận thay thế cho chúng chỉ rừng riêng lẻ, cho phép chủ sở hữu và người quản lý rừng nhỏ lẻ được tự nguyện tham gia và được cấp chung theo một chúng chỉ rừng, qua đó chia sẻ các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ chúng chỉ rừng và chia sẻ trách nhiệm chung trong quá trình quản lý rừng. Cách tiếp cận này giúp cải thiện việc phổ biến thông tin cũng như sự hợp tác trong quá trình quản lý rừng giữa các chủ sở hữu và người quản lý rừng nhỏ lẻ.

4.1.5. Các tài liệu của hệ thống

Văn phòng chúng chỉ rừng đã xây dựng và ban hành Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, đây là tài liệu quan trọng để các Tổ chức chúng nhận sử dụng để đánh giá cấp chúng chỉ cho các chủ rừng, doanh nghiệp. Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp⁷ và các hướng dẫn của Chương trình Chúng nhận chúng chỉ rừng (PEFC ST 1001: 2010). hướng dẫn của bộ tiêu chuẩn bao gồm 10 phụ lục:

1) Phụ lục 1 – VFCS GD 1001 2019 - Mô tả hệ thống Chúng chỉ rừng Quốc Gia

Nhằm mô tả Hệ thống chúng chỉ rừng quốc gia. Mô tả nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan liên quan. Mối quan hệ giữa các cơ quan trong hệ thống

2) Phụ lục 2 – VFCS ST 1002 2019 - Quy trình xây dựng Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng và Chuỗi hành trình sản phẩm của hệ thống Chúng chỉ rừng Quốc gia

Xác định các bước nội dung công việc trong việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn. Căn cứ vào các yêu cầu của Chương trình Chúng nhận Chúng chỉ rừng PEFC (PEFC ST 1001: 2010).

3) Phụ lục 3 – VFCS ST 1003 2019 -Bộ tiêu chuẩn Quản lý Rừng bền vững

⁷ Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT về quản lý rừng bền vững được Bộ NN và PTNT ban hành ngày 16/11/2018.